Bàn thêm về

# Chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

**PGS., TS. PHAN THỊ THU HÀ**
*Đại học Kinh tế Quốc dân*

***Với việc ban hành Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đã có nhiều thay đổi so với trước, tuy nhiên thực tế cho thấy một số nội dung trong Nghị định đang bộc lộ nhiều điểm không phù hợp trong điều kiện Việt Nam là thành viên WTO.***

Cấp phát và tín dụng của Nhà nước là 2 kênh đầu tư quan trọng cho phát triển kinh tế. Tín dụng của nhà nước (thường được coi là tín dụng phát triển, để phân biệt với tín dụng thương mại của ngân hàng thương mại) có lãi suất thấp (thấp hơn lãi suất thương mại) và một số điều kiện ưu đãi khác. Trong nhiều năm, tín dụng nhà nước vẫn được coi là hình thức bao cấp của Nhà nước cho một số lĩnh vực, và được đánh giá là kém hiệu quả, gây lãng phí và làm nặng thêm gánh nặng trả nợ của đất nước. Chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước trước đây được thực hiện theo Quyết định số 133/2001/QĐ - TTg ngày 10/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 106/ 2004/ NĐ - CP ngày 1/4/2004 của Chính phủ. Ngày 20/12/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2006/NĐ - CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước thay thế các văn bản trên. Với việc ban hành Nghị định Số 151/2006/NĐ-CP, chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đã có nhiều thay đổi so với trước, tuy nhiên thực tế cho thấy một số nội dung trong Nghị định đang bộc lộ nhiều điểm không phù hợp trong điều kiện Việt Nam là thành viên WTO. Những hạn chế này thể hiện trên những nội dung sau:

● *Quy định chỉ có một tổ chức tín dụng - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - được cấp tín dụng của Nhà nước.*

Hiện nay có nhiều tổ chức tín dụng của Nhà nước như các ngân hàng thương mại (NHTM) Nhà nước, Ngân hàng Chính sách - Xã hội, các quĩ đầu tư của các tỉnh, thành phố cùng tham gia cấp tín dụng cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế theo kế hoạch nhà nước. Nguồn vốn mà các tổ chức này huy động, có thể ít hoặc nhiều là từ ngân sách, và từ các tổ chức kinh tế, dân cư. Luật Ngân sách Nhà nước cũng ghi rõ các khoản thu - chi từ hoạt động tín dụng của Nhà nước cho Quĩ Hỗ trợ phát triển và các tổ chức tín dụng khác ở Việt Nam. Vì vậy, nếu cho rằng tại Việt Nam chỉ có một tổ chức thực hiện cấp tín dụng của Nhà nước cho nền kinh tế là không chuẩn xác và sẽ làm giảm hiệu quả tín dụng của Nhà nước. Chính sách của Nhà nước là huy động tối đa nguồn lực của đất nước cho các chương trình, dự án phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn lực đó, đồng thời thực hiện tiết kiệm chi ngân sách. Để đạt mục tiêu này, chính sách tín dụng phát triển của Nhà nước cần được xây dựng một cách rõ ràng sao cho càng nhiều tổ chức và cá nhân có cơ hội thực hiện nó càng tốt.

**Chính sách tín dụng phát triển của Nhà nước cần được xây dựng một cách rõ ràng sao cho càng nhiều tổ chức và cá nhân có cơ hội thực hiện nó càng tốt.**

● *Tín dụng của Nhà nước "lấn sân" tín dụng của các tổ chức tín dụng thương mại.*

Chính sách tín dụng của Nhà nước thể hiện tính ưu tiên của Nhà nước đối với chương trình, dự án lớn mà các tổ chức tín dụng thương mại không có khả năng tự thực hiện. Tuy nhiên theo quy định của Nghị định số 151/2006/NĐ - CP, rất nhiều khoản cho vay xuất khẩu

thuộc đối tượng tài trợ của tín dụng Nhà nước được thực hiện theo lãi suất thị trường. Thực tế cho thấy, nếu cho vay ưu đãi đối với xuất khẩu, Việt Nam sẽ vướng phải các cam kết quốc tế; còn nếu cho vay với lãi suất thị trường thì đã có các ngân hàng thương mại đảm nhiệm. Vì vậy qui định đối tượng xuất khẩu được vay vốn của Nhà nước theo cơ chế thị trường là không đúng với tính chất của tín dụng Nhà nước.

● *Không nêu rõ yêu cầu về hiệu quả của tín dụng Nhà nước.*

Bên cạnh những qui định về thủ tục cho vay, chính sách tín dụng cần chỉ rõ những kết quả phải đạt được của các dự án vay vốn. Đây được xem là điểm quan trọng nhất của chính sách mà Nghị định số 106/ 2004/ NĐ - CP trước đây và Nghị định số 151/2006/NĐ - CP hiện nay chưa thể hiện được đậm nét. Thực tế cho thấy kết quả thực hiện dự án chính là tiêu chí và cơ sở để đánh giá hiệu quả của chính sách, đồng thời là căn cứ để Nhà nước ký hợp đồng với các tổ chức tín dụng thực hiện chính sách tín dụng của Nhà nước. Trong cho vay của các NHTM, qui định về điều kiện được vay vốn đối với khách hàng rất cụ thể, ví dụ dự án phải có NPV ≥ 0, chủ đầu tư phải làm ăn có lãi, trong nhiều trường hợp phải có tài sản cầm cố thế chấp, nếu không trả được nợ thì phải phát mại tài sản, kiện ra tòa. Vậy trong tín dụng của Nhà nước, hiệu quả của dự án vay vốn là gì, uy tín và khả năng trả nợ của người vay như thế nào - đều chưa rõ ràng, đặc biệt đối với dự án mới và chủ đầu tư là DNNN. Chính sách tín dụng chưa phân biệt rõ các chương trình, dự án phát triển với các mức sinh lời và rủi ro khác nhau.

● *Chính sách tín dụng của Nhà nước chưa khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức tín dụng khác tham gia các dự án phát triển; chưa nêu được cách thức "đồng tài trợ" giữa Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác.*

Trên cơ sở những hạn chế, bất cập nêu trên, chúng tôi xin đề xuất một vài điểm như sau:

● ***Về chính sách tín dụng của Nhà nước đối với xuất khẩu:***

Chính sách tín dụng của Nhà nước cần loại trừ cho vay trực tiếp đối với doanh nghiệp xuất khẩu. Nếu Nhà nước cần hỗ trợ xuất khẩu, có thể cấp thêm vốn cho các NHTM Nhà nước, hoặc bảo lãnh cho các doanh nghiệp xuất khẩu vay NHTM.

● ***Cần tập trung vào nội dung hiệu quả của chính sách tín dụng:***

Cần khuyến khích mọi cá nhân tổ chức thực hiện đầu tư phát triển, hướng đến nâng cao hiệu quả tín dụng Nhà nước. Trên cơ sở đó, chính sách tín dụng của Nhà nước cần "thương mại hóa" theo hướng tham gia theo phần vào các dự án phát triển. Có nghĩa là Nhà nước sẽ cho vay theo tỷ lệ phần trăm cùng với các tổ chức tín dụng thương mại khác, với lãi suất thấp và thời gian dài, cùng chia sẻ rủi ro trên phần vốn tham gia. Đồng thời, mở rộng bảo lãnh (bảo lãnh một phần vốn vay các NHTM của các dự án phát triển) so với cho vay. Nội dung chính sách tín dụng Nhà nước cần nêu rõ:

**Thực tế cho thấy, nếu cho vay ưu đãi đối với xuất khẩu, Việt Nam sẽ vướng phải các cam kết quốc tế; còn cho vay với lãi suất thị trường thì đã có các ngân hàng thương mại đảm nhiệm.**

- Ngành nghề, vùng, lĩnh vực được Nhà nước ưu tiên phát triển;

- Mục tiêu cụ thể cần đạt được của các chương trình, dự án phát triển, ví dụ như tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người có thu nhập thấp, cải tạo môi trường, hiệu quả tài chính...

- Tỷ lệ vốn tín dụng Nhà nước tham gia các dự án, lãi suất, thời hạn, phần hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với phần vốn thương mại...

- Cam kết của tổ chức đầu tư về việc sử dụng sử dụng vốn có hiệu quả, trả đủ gốc và lãi đúng hạn cho Nhà nước;

- Hình thức cấp tín dụng: Thông qua đấu thầu để tìm tổ chức đầu tư có hiệu quả nhất; hoặc thông qua ủy thác của Nhà nước cho các tổ chức đầu tư thích hợp.

Theo cam kết gia nhập WTO, Việt Nam phải giảm chính sách trợ cấp đối với nhiều lĩnh vực truyền thống được nhận trợ cấp, ví dụ như xuất nhập khẩu, may mặc, giày da, điện, chế biến nông sản. Nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực này có hiệu suất sinh lời khá cao, hoàn toàn có thể vay theo cơ chế thương mại. Nhà nước cần tập trung cho vay các lĩnh vực: nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý chất thải ô nhiễm môi trường, các công trình giao thông, dự án đào tạo nghề, hỗ trợ đối với nghiên cứu cơ bản, dự án phát triển vùng có khó khăn... Bên cạnh những qui định về thủ tục cho vay, chính sách tín dụng cần chỉ rõ những kết quả phải đạt được của các dự án vay vốn. Chính sách tín dụng cần phân biệt rõ các mức sinh lời và rủi ro của dự án phát triển. Có loại dự án sinh lời thấp, Nhà nước chỉ đặt yêu cầu bảo toàn vốn, lãi suất có thể bằng không; ngược lại, với những dự án mạo hiểm, sinh lời cao, lãi suất có thể bằng lãi suất thị trường.

● ***Cần phân biệt rõ chính sách tín dụng của Nhà nước và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.***

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ Hỗ trợ phát triển) là tổ chức tín dụng của Nhà nước, cấp tín dụng cho các chương trình dự án phát triển. Bên cạnh đó, là một tổ chức kinh doanh tiền tệ, Ngân hàng Phát triển Việt Nam phải đa dạng hóa hoạt động nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả. Hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cần có qui định riêng, tách khỏi chính sách tín dụng của Nhà nước.

Theo Nghị định số 151/2006/NĐ - CP các chủ thể tham gia hoạt động tín dụng Nhà nước có nhiều, song có 3 tổ chức đóng vai trò quan trọng. Vậy tổ chức nào đề ra chính sách tín dụng của Nhà nước. Liệu Ngân hàng Phát triển Việt Nam có "vừa đá bóng vừa thổi còi" không? Những vấn đề này cũng cần được làm rõ và có sự phân biệt rạch ròi.